TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 / 5/2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thúy
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

Th- ký toà án*:* Bà Lê Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên*

Hôm nay, ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc: *Ly hôn*, *tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn* theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2022 giữa các đ- ơng sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị H - sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H - sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Bùi Thị Bích H - sinh năm 1993
Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn L, huyện Lh, tỉnh Thanh Hóa
2. Chị Mai Thị S - sinh năm 1974
Địa chỉ; Thôn Ư, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
3. Bà Lê Thị N - sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
4. Chị Đoàn Thị H - sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa
5. Anh Nguyễn Tiến D - sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
6. Anh Đoàn Văn Đ– sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T , xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

7. Anh Quản Văn T– sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Định T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn chị H, bị đơn anh H; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: chị Bùi Thị Bích H, chị S, bà N, chị H, anh Đ, anh T, anh D (những người này đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai cũng nh- các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bầy:

Chị và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau tháng ngày 12/3/2015, có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới được khoảng 20 ngày thì anh H sang Nhật học và làm ăn bên đó, đến năm 2016 chị cũng sang Nhật cùng anh H, nhưng được khoảng 01 năm chị về nước do chị có bầu cháu thứ nhất, về nhà chồng được thời gian thì do mâu thuẫn với nhà chồng (mẹ chồng) nên chị đã về bên ngoại sinh sống và sinh cháu cho đến năm 2020 anh H về nước. Khi anh H về nước vợ chồng chung sống gần nhau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, trong cuộc sống không còn tình cảm, liên tục xảy ra tranh cải, khi chị mang bầu bé thứ hai từ tháng 11/2020 anh H liên tục xỉ nhục chị, đánh chị, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến mẹ con chị, khiến nhiều lần chị phải nhập viện vì động thai, trong lần sinh nở bé thứ hai, anh H không quan tâm và trách nhiệm gì, còn nhiều lần dọa nạt, chửi mắng chị thậm tệ và chửi bới bố mẹ chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/1021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không hòa thuận hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- *Về con chung*: Chị và anh Hà có 02 con chung cháu Bùi Bảo A, sinh 29/9/2016, cháu Bùi Anh Q sinh 08/7/2021, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi hai cháu, ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi 02 cháu vì cháu thứ nhất đã gắn bó cuộc sống với mẹ, quen cách chăm sóc dạy dỗ của mẹ (lúc sinh cháu anh H đang làm ăn bên Nhật) nên cháu không được gần gũi bố, tháng 9/2020 anh H về nước ở hẳn thì cháu mới biết bố, cháu lại là con gái; cháu thứ hai đang còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ, nên chị xin được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh Hà phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản:* Chị và anh H có tài sản chung là nhà đất tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa diện tích đất là 153m^2, trên đất có xây nhà mái bằng và 01 tum, đất mua năm 2018, nhà xây tháng 10/2020 bằng nguồn tiền vợ chồng vay mượn và nguồn tiền vợ chồng làm ăn tích cóp tiết kiệm được, nhà đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng số CL 507786 do UBND huyện Q cấp cấp ngày 09/01/2018. Nay ly hôn về phần nhà đất ban đầu

vợ chồng không tự thỏa thuận giải quyết với nhau được và đề nghị tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Nhưng đến nay chị và anh H đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau về phần tài sản chung, chị không yêu cầu tòa án giải quyết và có đơn xin rút đơn yêu cầu giải quyết về phần tài sản. Về đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị và anh H tự giải quyết với nhau, không yêu cầu giải quyết.

- *Về công nợ*: Quá trình khởi kiện chị có khai vợ chồng chị còn nợ tiền làm nhà của một số người sau: Nợ chị Bùi Thị Bích H (em gái anh Hà số tiền 35.000.000đ; Bà Mai Thị S (mợ anh H) số tiền 20.000.000đ; Bà Lê Thị N (mẹ chị H) số tiền 220.000.000đ; chị Đoàn Thị H (chị gái chị H) số tiền 45.000.000đ; ông Nguyễn Tiến D 10.400.000đ; ông Đoàn Văn Đ số tiền 20.000.000đ; Ông Quảng Văn T số tiền 20.000.000đ, các khoản vay trên đều không viết giấy vay. Nay ly hôn ban đầu anh, chị không thống nhất được việc phân chia trả nợ và chị yêu cầu tòa xem xét giải quyết. Tuy nhiên đến nay chị và anh đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau về phần công nợ và đã trả nợ hết cho những người vợ chồng vay, chị không yêu cầu tòa án giải quyết và chị có đơn xin rút đơn yêu cầu giải quyết về phần công nợ.

**Tại bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Bùi Văn Hà trình bày:*

Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau ngày 12/3/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn T, huyện Quảng Xương), cả hai lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được 04 năm thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là từ khi anh không làm ăn bên Nhật nữa mà về quê sinh sống, vợ chồng gần nhau thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là trong quá trình vợ chồng làm nhà xong tại thôn T, Quảng Xương thì xảy ra mâu thuẫn với gia đình bên vợ, mẹ vợ sang tuyên bố nhà đất là của bà mua cho kết hợp với gia đình vợ xúi dục chị H gây tranh cãi với anh rồi xúi dục chị H bỏ anh để chiếm đoạt tài sản của anh, khi hai vợ chồng ra ở riêng thì bên ngoại thay nhau sang đưa chị H và con về bên ngoại ở để anh một mình, có lần còn báo công an nói anh đánh chị H, từ những vụ việc trên anh và chị H luôn bất đồng quan điểm, cách sống, luôn tranh cải, không có tiếng nói chung, sau đó mẹ con chị H đã bỏ về bên ngoại ở cho đến nay, nhà riêng của vợ chồng đóng cửa, nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh cũng mong muốn vợ chồng suy nghĩ lại vì con mà quay về chung sống, còn chị H cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

- *Về con chung:* Anh và chị H có 02 con chung cháu Bùi Bảo A, sinh 29/9/2016, cháu Bùi Anh Q sinh 08/7/2021, hiện nay hai cháu đang ở với chị H và sống bên nhà mẹ đẻ chị H. Nay ly hôn chị H xin nuôi cả hai cháu anh không đồng ý, vì chị H hiện nay không có công ăn việc làm đang ở nhờ bên ngoại do bố mẹ chị H nuôi, chị H không có đủ khả năng để nuôi cả hai cháu, anh hiện nay đã đi làm tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển VICENZA có địa chỉ tại Thanh Hóa, có mức lương thu nhập hơn 07 triệu/tháng, anh có thu nhập ổn định nên nguyện vọng của anh xin được nuôi 01 cháu và anh xin nuôi cháu Bùi Bảo A là

cháu lớn, còn cháu thứ hai còn nhỏ để cho chị H nuôi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

- *Về tài sản:* Vợ chồng có khối tài sản chung như chị H khai là đúng. Nay ly hôn về phần nhà đất anh và chị H đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau về phần tài sản chung, anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản đồ dùng sinh hoạt vợ chồng tự giải quyết với nhau, không yêu cầu tòa giải quyết,

- *Về công nợ:* Anh thừa nhận vợ chồng có vay tiền làm nhà, nợ tiền công thợ như chị H khai là đúng. Riêng khoản nợ chị Hồng khai vợ chồng có nợ chị Đoàn Thị H (chị gái chị H) số tiền 45.000.000đ anh không thừa nhận, số tiền này anh không trực tiếp vay cùng chị H, không có giấy tờ ký nhận của anh, anh không đồng ý trả số nợ này cho chị H. Tuy nhiên, đến nay anh và chị H đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau về phần công nợ và đã trả nợ hết cho những người vợ chồng vay, anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ ng-ời có quyền lợi liên quan bà Lê Thị N trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của chị H, thời gian anh H chị H làm nhà năm 2020 vợ chồng anh Bùi Văn H và chị Đoàn Thị H có vay bà số tiền 220.000.000đ với mục đích xây nhà, tại thời điểm vay do quan hệ mẹ con trong nhà nên bà không yêu cầu viết giấy vay nợ. Nay chị H đã trả cho bà số tiền này nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ ng-ời có quyền lợi liên quan chị Đoàn Thị H trình bày:*

Chị là chị gái chị H, ngày 26/01/2021 âm lịch tức ngày 09/3/2021 dương lịch, vợ chồng anh H, chị H có vay của chị số tiền 45.000.000đ với mục đích để xây dựng nhà, tại thời điểm vay tiền do quan hệ chị em ruột trong nhà nên không viết giấy vay nợ. Nay chị H đã trả cho chị số tiền này nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ người có quyền lợi liên quan chị Bùi Thị Bích Hồng trình bầy:*

Chị là em gái của anh H, vào ngày 30/3/2021 vợ chồng anh H, chị H có vay của chị số tiền 35.000.000đ để làm nhà, tại thời điểm vay do quan hệ anh trai, em gái nên chị không yêu cầu viết giấy vay tiền. Nay anh H đã trả cho chị số tiền này nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ người có quyền lợi liên quan chị Mai Thị Sáu trình bầy:*

Chị là mợ của anh H, vào đầu năm 2020 chị H, anh H có làm nhà và vay của chị số tiền 20.000.000đ, do người nhà nên khi vay không viết giấy tờ gì. Nay anh H đã trả cho chị số tiền này nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ người có quyền lợi liên quan anh Quản Văn T trình bầy:*

Vợ chồng anh H, chị H khi làm nhà có đặt mua các loại cửa sổ, cửa chính, cửa cuốn và mái tôn của cửa hàng bên anh với tổng số tiền là: 50.000.000đ, anh chị đã thanh toán trước số tiền 30.000.000đ và hiện nay anh Hà, chị Hồng còn nợ của anh số tiền 20.000.000đ. Nay chị H đã trả cho anh số tiền này nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ người có quyền lợi liên quan anh Đoàn Văn Đ trình bầy:*

Anh là thợ xây nhà cho nhà anh H, chị H, quá trình xây tiền công thợ anh chị đã thanh toán nhưng chưa hết. anh H, chị H còn nợ anh số tiền công thợ là 20.000.000đ. Nay chị H đã trả cho anh số tiền này nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại các bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn Tiến D trình bầy:*

Ngày 14/4/2021 anh H, chị H có mua sơn của anh về sơn nhà, tổng hóa đơn là 20.400.000đ, anh chị đã thanh toán cho anh số tiền 10.000.000đ, hiện còn nợ anh số tiền 10.400.000đ. Nay chị H đã trả cho anh số tiền này nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Tại phiên tòa hôm nay:

- Về hôn nhân: Chị H xin ly hôn, anh H không muốn ly hôn nếu chị Hồng cương quyết thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Chị H xin được nuôi cả hai cháu Bùi Bảo Anh - sinh ngày 29/9/2016, cháu Bùi Anh Q - sinh ngày 08/7/2021. Anh H xin được nuôi 01 cháu là Bùi Bảo A.

- Về tài sản, công nợ: Chị Hồng và anh Hà đã tự giải quyết với nhau về việc phân chia tài sản chung và trả nợ cho những người vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị Hồng đã có đơn xin rút đơn không yêu cầu gải quyết về tài sản và công nợ.

+ Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án, đương sự đã tuân thủ đúng theo qui định của luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết cũng nh- xét xử vụ án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tòa án giao các văn bản tố tụng, đã nhận được và có bản tự khai cũng như có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt hợp lệ, nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Toà án vẫn đ- a vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Về đường lối: Đề nghị tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh H. Giao cháu Bùi Bảo A - sinh ngày 29/9/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Anh Q - sinh ngày 08/7/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản, công nợ: anh, chị đã thống nhất thỏa thuận giải quyết với nhau về việc phân chia tài sản, công nợ và chị H đã có đơn xin rút đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, công

nợ. Đề nghị tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Về án phí chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà hôm nay, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự toà án vẫn đ- a vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Đoàn Văn à xây dựng gia đình với nhau tháng 3/2015 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa huận hạnh phúc được 04 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cả hai anh chị đều thừa nhận nguyên nhân do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm cách sống, cả hai có suy nghĩ trái ngược nhau, dẫn đến luôn xảy ra to tiếng, xúc phạm nhau, không tin tưởng nhau, chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 6/2021 đến nay, không ai quan tâm trách nhiệm đến ai, nay chị Hồng có đơn xin ly hôn, anh H cũng muốn vợ chồng quay về chung sống, nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy: quá trình giải quyết tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, qua xác minh tại địa phương cũng phản ánh anh chị hiện không còn ở với nhau, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, anh chị đã sống ly thân, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, việc chị Hồng xin ly hôn anh H là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồng, xử cho chị H được ly hôn anh H

[3]. Về con chung: Anh H, chị H có 02 con chung cháu Bùi Bảo A-sinh ngày 29/9/2016, cháu Bùi Anh Q-sinh ngày 08/7/2021, ly hôn chị Hồng xin nuôi 02 cháu, anh H xin nuôi cháu Bùi Bảo A. Xét việc các bên đều xin được trực tiếp nuôi con là hoàn toàn chính đáng, nhưng việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện khả năng của các bên để xem xét giao con cho phù hợp, đảm bảo chăm sóc các cháu khi ly hôn. Đối với chị H: Khi vợ chồng mâu thuẫn chị đã đưa hai cháu về sống cùng với nhà mẹ đẻ chị tại xã Q, huyện Q, Thanh Hóa. Theo chị trình bầy cũng như qua xác minh tại chính quyền địa phương, hiện nay chị đang sống cùng các cháu và đang ở cùng với mẹ đẻ của chị, chị H chưa có công ăn việc làm, chưa có thu nhập ổn định, đang sống phụ thuộc vào nhà bố mẹ đẻ, nên việc chị xin nuôi cả hai cháu là không đủ khả năng và điều kiện. Đối với anh H: Theo như tài liệu anh cung cấp cho Tòa án thì hiện nay anh có việc làm và đang làm tại Công ty CP đầu tư phát triển VICENZA có địa chỉ tại Thanh Hóa, có mức lương thu nhập hơn 07 triệu/tháng (có xác nhận của Công ty), anh

có thu nhập ổn định. Vì vậy, nghĩ nên giao mỗi người nuôi 01 cháu là phù hợp và giao cháu Bùi Anh Q, sinh ngày 08/7/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Bảo A, sinh ngày 29/9/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

[4]. Về tài sản, công nợ: Chị H và anh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tài sản, công nợ. Chị H có đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho anh H, chị H vay tiền cũng không yêu cầu giải quyết. Căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết tài sản và công nợ. Về tài sản hiện vật, anh chị thỏa thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa giải quyết, vì vậy không xét.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện nộp số tiền để chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chị không có ý kiến gì, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của chị, nên không xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6.1]. Chị Hồng phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6.2]. Về số tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản công nợ: Do chị Hồng, anh Hà thỏa thuận thống nhất về phân chia tài sản chung và công nợ, chị Hồng đã rút đơn và đình chỉ yêu cầu này, vị vậy số tiền tạm ứng án phí về việc yêu cầu phân chia tài sản và công nợ chị H đã nộp là 16.200.000đ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên lai thu số 0009219ngày 13/10/2021 sẽ được trả lại cho chị H.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 273; Điều 280 BLTTDS; Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H.

- *Về con chung:* Công nhận cháu Bùi Bảo A - sinh ngày 29/9/2016; cháu Bùi Anh Q - sinh ngày 08/7/2021 là con chung của chị H, anh H. Giao cháu Bùi Bảo A cho anh H trực tiếp nuôi d- ỡng, giao cháu Bùi Anh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai đ- ợc cản trở.

- *Về tài sản, công nợ:* Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết công nợ giữa chị và anh H.

- *Về án phí:* Chị phải chịu 300.000đ án phí DSST, nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0009218 ngày 13/10/2021 của Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương (chị đã nộp đủ).

Trả lại tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản và công nợ cho chị H số tiền là 16.200.000đ, số tiền này chị được nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên lai thu số 0009219 ngày 13/10/2021.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt mặt chị H, anh H; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm: chị Bùi Thị Bích H, chị S, bà N, chị H, anh Đ, anh T, anh D.

Chị H, anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị Bích H, chị S, bà N, chị H, anh Đ, anh T, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận
- Các đ- ơng sự
- Thi hành án DS huyện Q
- VKS ND huyện Q
- L- u hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Bùi Thị Huyền